TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2026
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Ông Doãn Văn Sáng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994; số CCCD 031194019799; nơi cư trú: Tổ dân phố 8 M, phường B, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 5 G, phường B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đàm Trì C, sinh năm 1990; số CCCD 031090004413; nơi cư trú: Tổ dân phố 8 M, phường B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị Nguyễn Thị C kết hôn với anh Đàm Trì C trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay

là phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05 tháng 05 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ dân phố 8 Minh Tân, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đàm Trì C mải chơi không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay, chị Nguyễn Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị C xin ly hôn với anh Đàm Trì C, đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C có 02 con chung tên Đàm Trì Quang Hiếu, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Đàm Trì Thành Đạt, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C đề nghị giao con chung tên Đàm Trì Quang Hiếu cho anh Đàm Trì C trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Đàm Trì Thành Đạt cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị C và anh C tự thoả thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C và anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Đàm Trì C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đàm Trì C không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đàm Trì C. Về con chung: Giao con chung tên Đàm Trì Quang Hiếu cho anh Đàm Trì C trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Đàm Trì Thành Đạt cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C tự thoả thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh Đàm Trì C vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là Uỷ ban nhân dân phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 034/2014, ngày 05 tháng 05 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của các đương sự cũng như tài liệu, chứng cứ thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C chung sống với nhau tại tổ dân phố 8 (Minh Tân), phường Bạch

Đằng, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đàm Trì C mải chơi không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay, chị Nguyễn Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Đàm Trì C, xét việc ly hôn của chị C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Đàm Trì C.

[3] Về con chung

Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C có 02 con chung tên Đàm Trì Quang Hiếu, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Đàm Trì Thành Đạt, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C có nguyện vọng giao con chung tên Đàm Trì Quang Hiếu cho anh Đàm Trì C trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Đàm Trì Thành Đạt cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C tự thoả thuận giao nhận cho nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đàm Trì C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đàm Trì Quang Hiếu, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2017 cho anh Đàm Trì C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Đàm Trì Thành Đạt, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C tự thoả thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đàm Trì C không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007752, ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Bạch Đằng, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đào Thị Linh